

**Biểu mẫu 20**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, năm học 2023-2024**

**A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu**

| STT      | Nội dung                            | Tổng số    | Chức danh |             | Trình độ đào tạo |            |           |          |               | Hạng chức danh nghề nghiệp |            |           |
|----------|-------------------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------|-----------|----------|---------------|----------------------------|------------|-----------|
|          |                                     |            | Giáo sư   | Phó Giáo sư | Tiến sĩ          | Thạc sĩ    | Đại học   | Cao đẳng | Trình độ khác | Hạng III                   | Hạng II    | Hạng I    |
| <b>I</b> | <b>Tổng số</b>                      | <b>453</b> | <b>1</b>  | <b>14</b>   | <b>105</b>       | <b>266</b> | <b>67</b> | <b>0</b> | <b>0</b>      | <b>306</b>                 | <b>132</b> | <b>15</b> |
| <b>1</b> | <b>Giảng viên cơ hữu theo ngành</b> |            |           |             |                  |            |           |          |               |                            |            |           |
| <b>a</b> | <b>Khối ngành I</b>                 | <b>110</b> | <b>0</b>  | <b>2</b>    | <b>35</b>        | <b>61</b>  | <b>5</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>      | <b>64</b>                  | <b>44</b>  | <b>2</b>  |
|          | Ngành Giáo dục Chính trị            | 8          | 0         | 0           | 5                | 3          | 0         | 0        | 0             | 2                          | 6          | 0         |
|          | Ngành Giáo dục Mầm non              | 13         | 0         | 0           | 4                | 8          | 1         | 0        | 0             | 8                          | 5          | 0         |
|          | Ngành Giáo dục Thể chất             | 10         | 0         | 0           | 1                | 9          | 0         | 0        | 0             | 9                          | 1          | 0         |
|          | Ngành Giáo dục Tiểu học             | 17         | 0         | 0           | 7                | 8          | 2         | 0        | 0             | 11                         | 6          | 0         |
|          | Ngành Sư phạm Hóa học               | 8          | 0         | 0           | 4                | 4          | 0         | 0        | 0             | 5                          | 3          | 0         |
|          | Ngành Sư phạm Ngữ văn               | 8          | 0         | 1           | 5                | 2          | 0         | 0        | 0             | 4                          | 3          | 1         |
|          | Ngành Sư phạm Sinh học              | 6          | 0         | 0           | 0                | 6          | 0         | 0        | 0             | 5                          | 1          | 0         |
|          | Ngành Sư phạm Toán học              | 12         | 0         | 0           | 4                | 8          | 0         | 0        | 0             | 7                          | 5          | 0         |
|          | Ngành Sư phạm Vật lý                | 5          | 0         | 1           | 2                | 2          | 0         | 0        | 0             | 2                          | 2          | 1         |
|          | Ngành Sư phạm Tiếng Anh             | 14         | 0         | 0           | 1                | 11         | 2         | 0        | 0             | 8                          | 6          | 0         |
|          | Ngành Sư phạm khoa học tự nhiên     | 9          | 0         | 0           | 2                | 7          | 0         | 0        | 0             | 3                          | 6          | 0         |
| <b>b</b> | <b>Khối ngành II</b>                | <b>0</b>   | <b>0</b>  | <b>0</b>    | <b>0</b>         | <b>0</b>   | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>      | <b>0</b>                   | <b>0</b>   | <b>0</b>  |
|          | Ngành...                            | 0          | 0         | 0           | 0                | 0          | 0         | 0        | 0             | 0                          | 0          | 0         |
| <b>c</b> | <b>Khối ngành III</b>               | <b>41</b>  | <b>0</b>  | <b>1</b>    | <b>10</b>        | <b>30</b>  | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>      | <b>20</b>                  | <b>20</b>  | <b>1</b>  |
|          | Ngành Kế toán                       | 15         | 0         | 0           | 3                | 12         | 0         | 0        | 0             | 6                          | 9          | 0         |
|          | Ngành Kinh doanh thương mại         | 7          | 0         | 0           | 2                | 5          | 0         | 0        | 0             | 3                          | 4          | 0         |
|          | Ngành Quản trị kinh doanh           | 12         | 0         | 0           | 5                | 7          | 0         | 0        | 0             | 6                          | 6          | 0         |
|          | Ngành Tài chính - Ngân hàng         | 7          | 0         | 1           | 0                | 6          | 0         | 0        | 0             | 5                          | 1          | 1         |

| STT      | Nội dung                            | Tổng số    | Chức danh |             | Trình độ đào tạo |           |           |          |               | Hạng chức danh nghề nghiệp |           |          |
|----------|-------------------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|-----------|-----------|----------|---------------|----------------------------|-----------|----------|
|          |                                     |            | Giáo sư   | Phó Giáo sư | Tiến sĩ          | Thạc sĩ   | Đại học   | Cao đẳng | Trình độ khác | Hạng III                   | Hạng II   | Hạng I   |
| <b>d</b> | <b>Khối ngành IV</b>                | <b>7</b>   | <b>0</b>  | <b>0</b>    | <b>6</b>         | <b>1</b>  | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>      | <b>7</b>                   | <b>0</b>  | <b>0</b> |
|          | Ngành Công nghệ sinh học            | 5          | 0         | 0           | 4                | 1         | 0         | 0        | 0             | 5                          | 0         | 0        |
|          | Ngành Sinh học                      | 2          | 0         | 0           | 2                | 0         | 0         | 0        | 0             | 2                          | 0         | 0        |
| <b>đ</b> | <b>Khối ngành V</b>                 | <b>92</b>  | <b>0</b>  | <b>7</b>    | <b>26</b>        | <b>59</b> | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>      | <b>49</b>                  | <b>36</b> | <b>7</b> |
|          | Ngành Bảo vệ thực vật               | 7          | 0         | 1           | 1                | 5         | 0         | 0        | 0             | 2                          | 4         | 1        |
|          | Ngành Chăn nuôi                     | 9          | 0         | 1           | 3                | 5         | 0         | 0        | 0             | 6                          | 2         | 1        |
|          | Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường | 6          | 0         | 1           | 2                | 3         | 0         | 0        | 0             | 3                          | 2         | 1        |
|          | Ngành Công nghệ sau thu hoạch       | 4          | 0         | 0           | 2                | 2         | 0         | 0        | 0             | 3                          | 1         | 0        |
|          | Ngành Công nghệ thông tin           | 12         | 0         | 0           | 2                | 10        | 0         | 0        | 0             | 6                          | 6         | 0        |
|          | Ngành Công nghệ thực phẩm           | 10         | 0         | 1           | 4                | 5         | 0         | 0        | 0             | 6                          | 3         | 1        |
|          | Ngành Khoa học cây trồng            | 8          | 0         | 1           | 3                | 4         | 0         | 0        | 0             | 4                          | 3         | 1        |
|          | Ngành Kinh tế nông nghiệp           | 3          | 0         | 0           | 1                | 2         | 0         | 0        | 0             | 1                          | 2         | 0        |
|          | Ngành Lâm sinh                      | 11         | 0         | 0           | 4                | 7         | 0         | 0        | 0             | 3                          | 8         | 0        |
|          | Ngành Quản lý tài nguyên rừng       | 8          | 0         | 1           | 1                | 6         | 0         | 0        | 0             | 4                          | 3         | 1        |
|          | Ngành Thú y                         | 14         | 0         | 1           | 3                | 10        | 0         | 0        | 0             | 11                         | 2         | 1        |
| <b>e</b> | <b>Khối ngành VI</b>                | <b>152</b> | <b>1</b>  | <b>4</b>    | <b>9</b>         | <b>78</b> | <b>60</b> | <b>0</b> | <b>0</b>      | <b>140</b>                 | <b>7</b>  | <b>5</b> |
|          | Ngành Điều dưỡng                    | 10         | 0         | 0           | 1                | 8         | 1         | 0        | 0             | 10                         | 0         | 0        |
|          | Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học     | 9          | 0         | 1           | 0                | 6         | 2         | 0        | 0             | 8                          | 0         | 1        |
|          | Ngành Y đa khoa                     | 133        | 1         | 3           | 8                | 64        | 57        | 0        | 0             | 122                        | 7         | 4        |
| <b>g</b> | <b>Khối ngành VII</b>               | <b>51</b>  | <b>0</b>  | <b>0</b>    | <b>19</b>        | <b>30</b> | <b>2</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>      | <b>26</b>                  | <b>25</b> | <b>0</b> |
|          | Ngành Triết học                     | 8          | 0         | 0           | 4                | 4         | 0         | 0        | 0             | 4                          | 4         | 0        |
|          | Ngành Văn học                       | 7          | 0         | 0           | 4                | 3         | 0         | 0        | 0             | 3                          | 4         | 0        |
|          | Ngành Quản lý đất đai               | 7          | 0         | 0           | 2                | 5         | 0         | 0        | 0             | 3                          | 4         | 0        |
|          | Ngành Ngôn ngữ Anh                  | 14         | 0         | 0           | 2                | 10        | 2         | 0        | 0             | 10                         | 4         | 0        |
|          | Ngành Kinh tế                       | 11         | 0         | 0           | 5                | 6         | 0         | 0        | 0             | 3                          | 8         | 0        |
|          | Ngành Kinh tế phát triển            | 4          | 0         | 0           | 2                | 2         | 0         | 0        | 0             | 3                          | 1         | 0        |
| <b>2</b> | <b>Giảng viên cơ hữu môn chung</b>  | <b>0</b>   | <b>0</b>  | <b>0</b>    | <b>0</b>         | <b>0</b>  | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>      | <b>0</b>                   | <b>0</b>  | <b>0</b> |

*Handwritten signature/initials*



**B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành**

| STT                 | Họ và tên            | Năm sinh | Giới tính | Chức danh                  | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|---------------------|----------------------|----------|-----------|----------------------------|------------------|------------------------|
| <b>Khối ngành I</b> |                      |          |           |                            |                  |                        |
|                     | Vũ Thị Việt Anh      | 1977     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ          | Giáo dục chính trị     |
|                     | Nguyễn Minh Hải      | 1979     | Nam       | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục chính trị     |
|                     | Lại Thị Ngọc Hạnh    | 1984     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục chính trị     |
|                     | Lê Thị Hồng Hạnh     | 1990     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Tiến sĩ          | Giáo dục chính trị     |
|                     | Nguyễn Bảo Lâm       | 1986     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục chính trị     |
|                     | Nguyễn Thị Khuyên    | 1982     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục chính trị     |
|                     | Đoàn Văn Kỳ          | 1966     | Nam       | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ          | Giáo dục chính trị     |
|                     | Nguyễn Khắc Trinh    | 1978     | Nam       | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục chính trị     |
|                     | Bùi Trần Tuyết Hạnh  | 1988     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Vũ Trọng Hào         | 1978     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Trương Thị Hiền      | 1977     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Trần Thị Lệ          | 1982     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Trần Thị Thủy Trang  | 1978     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Đinh Thị Trang       | 1992     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Nguyễn Thị Thủy Tiên | 1991     | Nữ        | Trợ giảng (Hạng III)       | Đại học          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Lại Thị Hồng Linh    | 1995     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Vũ Thị Vân           | 1978     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Lê Thị Thu Sa        | 1983     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Lê Quang Hùng        | 1974     | Nam       | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Lê Từ Trường         | 1967     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Tiến sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Nguyễn Xuân Tuyền    | 1983     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Mầm non       |
|                     | Y Rôbi Bkrông        | 1988     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Thể chất      |
|                     | Vũ Đình Công         | 1988     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Thể chất      |
|                     | Phạm Thế Hùng        | 1986     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Thể chất      |
|                     | Trần Văn Hưng        | 1979     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Thể chất      |
|                     | Nguyễn Thiện Tín     | 1983     | Nam       | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ          | Giáo dục Thể chất      |
|                     | Chu Vương Thìn       | 1988     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Thể chất      |
|                     | Bùi Thị Thủy         | 1985     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Thể chất      |
|                     | Phạm Xuân Trí        | 1987     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Thể chất      |
|                     | Đỗ Thị Thùy Linh     | 1987     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Thể chất      |
|                     | Phạm Hùng Mạnh       | 1980     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Tiến sĩ          | Giáo dục Thể chất      |
|                     | H' Wen Aliô          | 1982     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Đại học          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Đoàn Thị Hiền        | 1994     | Nữ        | Trợ giảng (Hạng III)       | Đại học          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Đinh Thị Kiều Loan   | 1975     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Trần Thị Thu         | 1980     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Phạm Trọng Lượng     | 1976     | Nam       | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Lưu Thị Dịu          | 1985     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Ngô Thị Hiếu         | 1979     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Bùi Thị Tâm          | 1984     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Nguyễn Thị Ánh Mai   | 1985     | Nữ        | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Vũ Minh Chiến        | 1978     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Tiến sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Lê Thị Thảo Nguyên   | 1991     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Bùi Thị Phương Thảo  | 1992     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Nguyễn Hữu Hiếu      | 1994     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Trần Tấn Hải         | 1976     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Lê Thị Cẩm Lệ        | 1993     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Lê Thị Thúy An       | 1986     | Nữ        | Giảng viên (Hạng III)      | Tiến sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |
|                     | Rơ Lan A Nhi         | 1992     | Nam       | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ          | Giáo dục Tiểu học      |

jk

|                            |      |     |                             |         |                   |
|----------------------------|------|-----|-----------------------------|---------|-------------------|
| Đoàn Mạnh Dũng             | 1990 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Sư phạm Hóa học   |
| Phan Thị Kim Thư           | 1989 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Sư phạm Hóa học   |
| Phan Thị Thu Hà            | 1990 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Hóa học   |
| Ninh Thị Minh Giang        | 1990 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Hóa học   |
| Phan Tứ Quý                | 1982 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Sư phạm Hóa học   |
| Đàm Thị Bích Hạnh          | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Hóa học   |
| Phạm Thị Huyền Thoa        | 1991 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Hóa học   |
| Ngũ Trường Nhân            | 1981 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Sư phạm Hóa học   |
| Hoàng Thị Thúy             | 1972 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư phạm Ngữ văn   |
| Hoàng Lê Anh Ly            | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Sư phạm Ngữ văn   |
| Nguyễn Thị Yến Nhung       | 1992 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Ngữ văn   |
| Phan Thị Tâm Thanh         | 1977 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Sư phạm Ngữ văn   |
| Thái Thị Hoài An           | 1975 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Sư phạm Ngữ văn   |
| Buôn Krông Thị Tuyết Nhung | 1969 | Nữ  | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS  | Sư phạm Ngữ văn   |
| Đoàn Tiến Dũng             | 1982 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Sư phạm Ngữ văn   |
| Nguyễn Thị Kim Hồng        | 1989 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Sư phạm Ngữ văn   |
| Phạm Thị Phương            | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Sinh học  |
| Nguyễn Hữu Kiên            | 1992 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Sinh học  |
| Vũ Bích Thủy               | 1992 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Sinh học  |
| Trương Bá Phong            | 1983 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Sinh học  |
| Nguyễn Thị Thủy            | 1984 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Sinh học  |
| Hoàng Quang Duy            | 1984 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư phạm Sinh học  |
| Nguyễn Thị Ngọc Bích       | 1984 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Toán học  |
| Nguyễn Văn Bồng            | 1978 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Sư phạm Toán học  |
| Phạm Hữu Khánh             | 1975 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Sư phạm Toán học  |
| Mai Quốc Vũ                | 1979 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư phạm Toán học  |
| Lê Bá Thông                | 1995 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Toán học  |
| Dương Quốc Huy             | 1985 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Sư phạm Toán học  |
| Đoàn Thị Thúy Vân          | 1989 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Toán học  |
| Đinh Thị Xinh              | 1984 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư phạm Toán học  |
| Nguyễn Ngọc Huệ            | 1970 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Sư phạm Toán học  |
| Trần Quỳnh Mai             | 1989 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Toán học  |
| Phan Thị Ngọc Thúy         | 1905 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Thạc sĩ | Sư phạm Toán học  |
| H' Ru Đa Niê               | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Toán học  |
| Nguyễn Thị Hiền            | 1983 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư phạm Vật lí    |
| Lê Minh Tân                | 1982 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Sư phạm Vật lí    |
| Võ Văn Viên                | 1980 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS  | Sư phạm Vật lí    |
| Nguyễn Thị Thanh Phương    | 1989 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm Vật lí    |
| Phùng Nguyễn Thái Hằng     | 1983 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Sư phạm Vật lí    |
| Phạm Văn Phước             | 1997 | Nam | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Thân Thị Hiền Giang        | 1976 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Nguyễn Lệ Hằng             | 1972 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Hoàng Minh Thu Hương       | 1970 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Cù Thị Ngọc Hoa            | 1985 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Y Cuôr B'krông             | 1987 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Hoàng Thị Xuân             | 1969 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Trần Quang Nhật            | 1974 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Đoàn Thị Dung              | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Nguyễn Thị Kim Phượng      | 1977 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Hà Lê Hồng Hoa             | 1989 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Ngô Hà Thanh               | 1992 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học | Sư Phạm Tiếng Anh |
| Hoàng Khánh Bảo            | 1978 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh |



|                            |      |     |                             |         |                           |
|----------------------------|------|-----|-----------------------------|---------|---------------------------|
| Nguyễn Thị Thanh Vân       | 1979 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư Phạm Tiếng Anh         |
| Bùi Thị Quỳnh Hoa          | 1981 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư phạm khoa học tự nhiên |
| Phùng Thị Tổ Loan          | 1983 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư phạm khoa học tự nhiên |
| Nguyễn Thị Thu             | 1967 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư phạm khoa học tự nhiên |
| Trần Thị Phương Hạnh       | 1983 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Sư phạm khoa học tự nhiên |
| Đinh Thị Xuân Thảo         | 1983 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Sư phạm khoa học tự nhiên |
| Trần Thị Kim Thi           | 1992 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm khoa học tự nhiên |
| Nguyễn Thị Thanh Hương     | 1983 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Sư phạm khoa học tự nhiên |
| Trần Thị Thanh Thảo        | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm khoa học tự nhiên |
| Đặng Thị Thùy My           | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Sư phạm khoa học tự nhiên |
| <b>Khối ngành III</b>      |      |     |                             |         |                           |
| Dương Minh Ngọc            | 1983 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Nguyễn Thị Trà Giang       | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Đặng Thị Nhung             | 1986 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Nguyễn Thanh Trúc          | 1979 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Kế toán                   |
| Nguyễn Thị Đức Hiếu        | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Nguyễn Thị Hải Yến         | 1979 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Kế toán                   |
| Bùi Thị Hiền               | 1968 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Nguyễn Thị Phương Thảo B   | 1985 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Nguyễn Thị Thanh Tý        | 1989 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Bùi Thị Thanh Thùy         | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Phạm Thanh Hùng            | 1986 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Nguyễn Hà Hồng Anh         | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Trần Thị Ngọc Hạnh         | 1987 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Bùi Thị Thu Hằng           | 1984 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Kế toán                   |
| Nguyễn Thị Phương Thảo A   | 1985 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Kế toán                   |
| Từ Thị Thanh Hiệp          | 1974 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Kinh doanh thương mại     |
| Đỗ Thị Thanh Xuân          | 1990 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Kinh doanh thương mại     |
| Huỳnh Thị Nga              | 1977 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Kinh doanh thương mại     |
| Phan Thị Thúy              | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Kinh doanh thương mại     |
| Lê Thế Phiệt               | 1978 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Kinh doanh thương mại     |
| Nguyễn Thị Tuyền           | 1988 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Kinh doanh thương mại     |
| Nguyễn Văn Minh            | 1985 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Kinh doanh thương mại     |
| Lê Thanh Hà                | 1983 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Trần Thị Lan               | 1982 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Phạm Thảo Vy               | 1991 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Bùi Ngọc Tân               | 1981 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Nguyễn Ngọc Thắng          | 1967 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Phạm Thị Oanh              | 1984 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Nguyễn Trịnh Thanh Nguyên  | 1981 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Hà Thị Kim Duyên           | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Phạm Nghiêm Hồng Ngọc Bích | 1992 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Đỗ Mạnh Hoàng              | 1986 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Lê Việt Anh                | 1985 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Võ Xuân Hội                | 1983 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh       |
| Nguyễn Thị Bích Ngọc       | 1991 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng     |
| Trương Ngọc Hằng           | 1975 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng     |
| Lê Đức Niêm                | 1972 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS  | Tài chính - Ngân hàng     |
| Nguyễn Thị Hoài Phương     | 1994 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng     |
| Đỗ Thị Hoài                | 1994 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng     |
| Huỳnh Thị Mỹ Duyên         | 1992 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng     |
| Trương Hồng Hà             | 1981 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng     |
| <b>Khối ngành IV</b>       |      |     |                             |         |                           |

|                        |      |     |                             |         |                               |
|------------------------|------|-----|-----------------------------|---------|-------------------------------|
| Trần Minh Định         | 1983 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Công nghệ sinh học            |
| Nguyễn Thị Thanh       | 1980 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Công nghệ sinh học            |
| Đoàn Chiên Thắng       | 1988 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Công nghệ sinh học            |
| Nguyễn Minh Trung      | 1989 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ sinh học            |
| Nguyễn Đình Sỹ         | 1980 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Công nghệ sinh học            |
| Nguyễn Văn Bốn         | 1984 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Sinh học                      |
| Trịnh Thị Huyền Trang  | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Sinh học                      |
| <b>Khối ngành V</b>    |      |     |                             |         |                               |
| Đỗ Thị Kiều An         | 1978 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Bảo vệ thực vật               |
| Nguyễn Văn Nam         | 1968 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS  | Bảo vệ thực vật               |
| Ngô Đăng Duyên         | 1964 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Bảo vệ thực vật               |
| Trang Thị Nguyệt Quế   | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Bảo vệ thực vật               |
| Trần Thị Phụng         | 1982 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Bảo vệ thực vật               |
| Trần Thị Huệ           | 1982 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Bảo vệ thực vật               |
| Nguyễn Tuấn            | 1985 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Bảo vệ thực vật               |
| Vũ Tiến Quang          | 1963 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Chăn nuôi                     |
| Mai Thị Xoan           | 1986 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Chăn nuôi                     |
| Văn Tiến Dũng          | 1963 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS  | Chăn nuôi                     |
| Bùi Thị Như Linh       | 1982 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Chăn nuôi                     |
| Lý Ngọc Tuyên          | 1975 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Chăn nuôi                     |
| Nguyễn Đức Điện        | 1984 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Chăn nuôi                     |
| Nguyễn Văn Lan         | 1980 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Chăn nuôi                     |
| Võ Văn Hùng            | 1976 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Chăn nuôi                     |
| Nguyễn Tuấn Hùng       | 1963 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Chăn nuôi                     |
| Trần Thị Minh Hà       | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật môi trường |
| Phan Thị Thục Uyên     | 1985 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật môi trường |
| Trần Thị Ngọc          | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Công nghệ kỹ thuật môi trường |
| Lê Thị Thúy Loan       | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật môi trường |
| Trần Trung Dũng        | 1961 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS  | Công nghệ kỹ thuật môi trường |
| Đặng Thị Thanh Hà      | 1983 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Công nghệ kỹ thuật môi trường |
| Trần Trọng Bắc         | 1963 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Công nghệ sau thu hoạch       |
| Lê Cao Linh Chi        | 1990 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ sau thu hoạch       |
| Trần Thị Minh Kiều     | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Công nghệ sau thu hoạch       |
| Nguyễn Ngọc Hữu        | 1982 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Công nghệ sau thu hoạch       |
| Từ Ngọc Thảo           | 1990 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Trương Hải             | 1971 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Trần Thanh Tùng        | 1963 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Nguyễn Thị Như         | 1979 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Trần Xuân Thắng        | 1991 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Nguyễn Thị Ngân        | 1983 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Phạm Văn Thuận         | 1978 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Hồ Thị Phụng           | 1980 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Nguyễn Quốc Cường      | 1985 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Phan Thị Đài Trang     | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Trương Thị Hương Giang | 1984 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Nguyễn Đức Thắng       | 1989 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin           |
| Ngô Xuân Thảo          | 1973 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm           |
| Trần Văn Cường         | 1986 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm           |
| Hồ Thị Hào             | 1981 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm           |
| Mai Thị Hải Anh        | 1984 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm           |
| Nguyễn Quang Vinh      | 1977 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS  | Công nghệ thực phẩm           |
| Nguyễn Thị Đào         | 1986 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm           |



|                          |      |     |                             |         |                         |
|--------------------------|------|-----|-----------------------------|---------|-------------------------|
| Lê Nguyễn Tiểu Ngọc      | 1984 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm     |
| Nguyễn Thị Thảo          | 1988 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm     |
| Nguyễn Thị Vân           | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm     |
| Trần Thị Thanh Bình      | 1984 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm     |
| Lê Thị Thùy Ninh         | 1989 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Khoa học cây trồng      |
| Nguyễn Văn Minh          | 1977 | Nam | Giảng viên cao cấp (Hạng I) | PGS-TS  | Khoa học cây trồng      |
| Huỳnh Văn Quốc           | 1965 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Khoa học cây trồng      |
| Nguyễn Xuân An           | 1962 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Khoa học cây trồng      |
| Phan Thị Thanh Hoài      | 1982 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Khoa học cây trồng      |
| Trần Ngọc Duyên          | 1963 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Khoa học cây trồng      |
| Elaine Alio              | 1992 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Khoa học cây trồng      |
| Nguyễn Thị Hương Cẩm     | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Khoa học cây trồng      |
| Nguyễn Thị Minh Phương   | 1979 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Kinh tế nông nghiệp     |
| Đỗ Thị Nga               | 1977 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Kinh tế nông nghiệp     |
| Nguyễn Thị Huyền Trang   | 1994 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Kinh tế nông nghiệp     |
| Phan Thị Hằng            | 1984 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Lâm Sinh                |
| Võ Hùng                  | 1963 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Lâm Sinh                |
| Trần Đình Thế            | 1963 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Lâm Sinh                |
| Lê Đình Nam              | 1965 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Lâm Sinh                |
| Nguyễn Đức Định          | 1965 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Lâm Sinh                |
| Ngô Thế Sơn              | 1985 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Lâm Sinh                |
| Đào Xuân Thu             | 1963 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Lâm Sinh                |
| Nguyễn Thị Tinh          | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Lâm Sinh                |
| Đặng Thành Nhân          | 1965 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Lâm Sinh                |
| Trần Thị Xuân Phần       | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Lâm Sinh                |
| Cao Thị Hoài             | 1986 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Lâm Sinh                |
| Triệu Thị Lắng           | 1985 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Quản lý tài nguyên rừng |
| Nguyễn Thanh Tân         | 1968 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Quản lý tài nguyên rừng |
| Nguyễn Thị Thanh Hương   | 1967 | Nữ  | Giảng viên cao cấp (Hạng I) | PGS-TS  | Quản lý tài nguyên rừng |
| Hồ Đình Bảo              | 1983 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Quản lý tài nguyên rừng |
| Trần Thị Lệ Trà          | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Quản lý tài nguyên rừng |
| Nguyễn Hải Đăng          | 1987 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Quản lý tài nguyên rừng |
| Chung Như Anh            | 1985 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Quản lý tài nguyên rừng |
| Phạm Đoàn Phú Quốc       | 1984 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Quản lý tài nguyên rừng |
| Hồ Nguyễn Thị Huyền Trân | 1988 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Thạc sĩ | Thú y                   |
| Trần Quang Hạnh          | 1964 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS  | Thú y                   |
| Đình Nam Lâm             | 1965 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ | Thú y                   |
| Nguyễn Quốc Hiếu         | 1988 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Thú y                   |
| Đặng Thị Phương Thảo     | 1994 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Thú y                   |
| Nguyễn Văn Thái          | 1985 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Thú y                   |
| Trần Thị Thanh Vân       | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Thú y                   |
| Hoàng Thị Anh Phương     | 1986 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Thú y                   |
| Nguyễn Văn Trọng         | 1987 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Thú y                   |
| Đoàn Thị Kim Phượng      | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Thú y                   |
| Lê Anh Dương             | 1977 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ | Thú y                   |
| Nguyễn Ngọc Đình         | 1983 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ | Thú y                   |
| Lương Huỳnh Việt Thắng   | 1983 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Thú y                   |
| Nguyễn Thị Vân Anh       | 1982 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Thú y                   |
| <b>Khối ngành VI</b>     |      |     |                             |         |                         |
| Chu Thị Giang Thanh      | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Điều dưỡng              |
| Phan Thị Huyền Trang     | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ | Điều dưỡng              |
| Nguyễn Thị Như Quỳnh     | 1995 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học | Điều dưỡng              |



|                        |      |     |                             |           |                           |
|------------------------|------|-----|-----------------------------|-----------|---------------------------|
| Đinh Hữu Hùng          | 1975 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ   | Điều dưỡng                |
| Nguyễn Thị Kim Quyên   | 1982 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Điều dưỡng                |
| Lê Thị Thảo            | 1995 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Điều dưỡng                |
| Vũ Thị Lan Anh         | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Điều dưỡng                |
| Ngư Danh Sơn           | 1989 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Điều dưỡng                |
| Vũ Thị Thu Hường       | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Điều dưỡng                |
| Hà Thị Thanh Trang     | 1994 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Điều dưỡng                |
| Trần Thị Thu Hiền      | 1996 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| Trịnh Ngọc Thảo Vy     | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| Lê Hồng Thủy           | 1989 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| Lê Thị Xuân Quyên      | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| Phan Hoàng Thái Bảo    | 1993 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| Nguyễn Thị Vân Dung    | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| Trương Hoàng Sơn       | 1996 | Nam | Trợ giảng (Hạng III)        | Thạc sĩ   | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| Trần Văn Tuấn          | 2000 | Nam | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| Thân Trọng Quang       | 1963 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS    | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| Lăng Thị Thu Xuân      | 1996 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa                    |
| Đỗ Chí Hoàng           | 1994 | Nam | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa                    |
| Lê Thanh Lý            | 1997 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa                    |
| Nguyễn Hoàng Thu Huyền | 1997 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa                    |
| Hà Thị Việt            | 1991 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Nguyễn Văn Dũng        | 1965 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp II | Y khoa                    |
| Nguyễn Thị Hương Lan   | 1993 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa                    |
| Hoàng Văn Hải          | 1984 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Hoàng Thị Ngần         | 1993 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Hoàng Thị Nguyệt Diệu  | 1991 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Nguyễn Thị Lệ          | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa                    |
| Đỗ Thanh Hồng          | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa                    |
| Khảm Thị Thu Trâm      | 1994 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Bùi Kiên Trung         | 1974 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Nguyễn Duy Phương      | 1994 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Lê Huỳnh Phương Trinh  | 1995 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Nguyễn Thị Thu Hạnh    | 1993 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa                    |
| Lê Quỳnh Oanh          | 1995 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Y Ya Kôb Êban          | 1990 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Lương Tài Nam          | 1973 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa                    |
| Lê Thị Phương          | 1969 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa                    |
| Hồ sỹ Công             | 1997 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Nguyễn Huỳnh Bảo Thanh | 1997 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Nguyễn Hữu Phước       | 1986 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Lê Thị Hoài Sương      | 1994 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Dương Thanh Thắng      | 1992 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Vũ Văn Lực             | 1993 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Trương Thị Thủy Trinh  | 1993 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| H Nở Eban              | 1990 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Đoàn Vũ Ngọc Huyền     | 1994 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa                    |
| Lưu Thị Hoài           | 1993 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa                    |
| Trần Thị Thu Thanh     | 1994 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa                    |
| Đinh Thị Nhung         | 1996 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa                    |
| Vũ Thị Thủy Linh       | 1995 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa                    |
| Võ Nguyễn Thanh Hằng   | 1996 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa                    |
| Sứ Thị Như Ngọc        | 1991 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa                    |



|                          |      |     |                             |           |        |
|--------------------------|------|-----|-----------------------------|-----------|--------|
| Trương Ngô Ngọc Lan      | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Lê Hồng Ngân             | 1993 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Phan Thị Kim Phụng       | 1991 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Nguyễn Đức Minh Dũng     | 1994 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Nguyễn Thanh Tân         | 1986 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Nguyễn Văn Long          | 1988 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Huỳnh Anh Tuấn           | 1989 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Phùng Minh Lương         | 1962 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS    | Y khoa |
| Phương Minh Hải          | 1974 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp II | Y khoa |
| Ngô Thị Ngọc Yến         | 1984 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Tô Hoài Tường            | 1995 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Nguyễn Mạnh Tuyển        | 1968 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Đào Thị Mỹ Châu          | 1994 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Đặng Thị Xuyên           | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Đào Trúc Quỳnh Giang     | 1996 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Phạm Thị Quỳnh My        | 1979 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa |
| Nguyễn Anh Dũng          | 1966 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | GS-TS     | Y khoa |
| Phan Vũ Nguyên           | 1992 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Trần Thị Minh Tâm        | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Nguyễn Thị Thu Hương     | 1969 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Hoàng Thị Thanh Thảo     | 1986 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Nguyễn Phan Văn Anh      | 1998 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Nguyễn Tiến Công         | 1988 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Nguyễn Hoàng Anh Thư     | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Nguyễn Bích Vân          | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ   | Y khoa |
| Văn Hữu Tài              | 1972 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Mai Ngọc Ba              | 1994 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Phạm Thị Diệu Linh       | 1982 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Nguyễn Phương Đại Nguyên | 1979 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS    | Y khoa |
| Lê Quang Huy             | 1988 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Nguyễn Ngọc Hưng Duy     | 1997 | Nam | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa |
| Nguyễn Thị Hoàng An      | 1993 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Khúc Đình Tân            | 1981 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Trần Song Ngọc Châu      | 1994 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Ngô Minh Trung           | 1965 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Mai Quang Hoàn           | 1988 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Nguyễn Thanh Hiệp        | 1993 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Tào Thị Hoa              | 1989 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Nguyễn Văn Mười          | 1971 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Trịnh Bá Hùng Mạnh       | 1990 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Nguyễn Văn Thành         | 1976 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa |
| Nguyễn Thị Bích Nguyên   | 1986 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Nguyễn Thị Bích Thủy     | 1973 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa |
| Thái Quang Hùng          | 1965 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ   | Y khoa |
| Nguyễn Thị Bích Trang    | 1969 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Triệu Thị Vân            | 1996 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa |
| Nguyễn Duy Thịnh         | 1984 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Trần Cẩm Duyên           | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Lê Ngọc Đan Châu         | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Phạm Mạnh Đạt            | 1985 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa |
| Nguyễn Thanh Thảo        | 1987 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |
| Lê Thị Kim Hồng          | 1968 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa |

*Handwritten signature*

|                        |      |     |                             |           |           |
|------------------------|------|-----|-----------------------------|-----------|-----------|
| Trần Thị Nguyên Đăng   | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Nguyễn Hồ Huy Hoàng    | 1991 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Nguyễn Ngọc Thiện      | 1995 | Nam | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa    |
| Lê Thị Yến Linh        | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Lê Văn Đoài            | 1985 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Võ Ngọc Hân            | 1993 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa    |
| Võ Hồng Sinh           | 1961 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ   | Y khoa    |
| Nguyễn Đức Vương       | 1988 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa    |
| Trần Quốc Yên          | 1978 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa    |
| Nguyễn Nhứt Hùng       | 1964 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Nguyễn Thị Pháp        | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Đinh Thị Ngọc Lệ       | 1990 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Trần Văn Hùng          | 1980 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa    |
| Võ Thị Kim Quyên       | 1981 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa    |
| Nguyễn Việt Hồng       | 1975 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa    |
| Bùi Quang Chiến        | 1985 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Trương Thị Ánh Linh    | 1992 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Nguyễn Hoàng Mai Uyên  | 1995 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa    |
| Lê Thị Lệ Thủy         | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Nguyễn Đăng Đức        | 1963 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ   | Y khoa    |
| Lê Viết Quỳnh          | 1972 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Đại học   | Y khoa    |
| Lê Thị Thùy Ngân       | 1991 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Lê Anh Tuấn            | 1982 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Nguyễn Hạnh My         | 1986 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Huỳnh Thị Hồng Hằng    | 1973 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Phan Văn Trọng         | 1960 | Nam | Giảng viên cao cấp (hạng I) | PGS-TS    | Y khoa    |
| Hoàng Thị Ngọc Diệp    | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Trần Thị Bích Dân      | 1979 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Nguyễn Thị Thúy Hằng   | 1990 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Nguyễn Thanh Hải       | 1976 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp II | Y khoa    |
| Trần Đào Minh Ngọc     | 1982 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa    |
| Hoàng Thị Chiến        | 1971 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | CK cấp I  | Y khoa    |
| Phạm Huy Tựa           | 1978 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Nguyễn Thị Diệu        | 1978 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| Nguyễn Trần Phương Nhi | 1998 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa    |
| Nguyễn Thị Mỹ Linh     | 1997 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa    |
| Hoàng Thị Thủy         | 1996 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa    |
| Vũ Mạnh Dũng           | 1997 | Nam | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa    |
| Đinh Đức Mỹ            | 1997 | Nam | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa    |
| Đoàn Bảo Hân           | 1996 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa    |
| Đỗ Thanh Tùng          | 1996 | Nam | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa    |
| Nguyễn Lê Thanh Huyền  | 1998 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa    |
| Nguyễn Thị Ngọc        | 1997 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)        | Đại học   | Y khoa    |
| Phạm Thị Bé            | 1985 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ   | Y khoa    |
| Lê Thị Mơ              | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Y khoa    |
| <b>Khối ngành VII</b>  |      |     |                             |           |           |
| Nguyễn Thị Hải Yến     | 1978 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Thạc sĩ   | Triết học |
| Phạm Thị Tâm           | 1991 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Triết học |
| Nguyễn Quang Dương     | 1984 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Triết học |
| Nguyễn Đình Huân       | 1982 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Thạc sĩ   | Triết học |
| Phạm Phương Anh        | 1984 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II)  | Tiến sĩ   | Triết học |
| Trương Văn Thủy        | 1991 | Nam | Giảng viên (Hạng III)       | Tiến sĩ   | Triết học |



|                       |      |     |                            |         |                    |
|-----------------------|------|-----|----------------------------|---------|--------------------|
| Nguyễn Thị Tĩnh       | 1976 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Triết học          |
| Đặng Nguyên Hà        | 1981 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Triết học          |
| Triệu Văn Thịnh       | 1974 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Văn học            |
| Trương Thông Tuần     | 1963 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Văn học            |
| Trần Thị Thắm         | 1985 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Văn học            |
| Vũ Minh Thu           | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Văn học            |
| Trần Thị Lệ Thanh     | 1977 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ | Văn học            |
| Nông Văn Ngoan        | 1905 | Nam | Giảng viên (Hạng III)      | Tiến sĩ | Văn học            |
| Phạm Thị Trang        | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Văn học            |
| Nguyễn Xuân Vững      | 1978 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ | Quản lí đất đai    |
| Nguyễn Thúy Cường     | 1985 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Quản lí đất đai    |
| Đỗ Tiến Thuận         | 1981 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ | Quản lí đất đai    |
| Trần Thị Biên Thùy    | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Quản lí đất đai    |
| Đặng Thị Thúy Kiều    | 1979 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Quản lí đất đai    |
| Vũ Hải Nam            | 1981 | Nam | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Quản lí đất đai    |
| Nguyễn Thị Ngọc Quyên | 1983 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Quản lí đất đai    |
| Y Nei Rahlan          | 1984 | Nam | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Trương Bình An        | 1998 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)       | Đại học | Ngôn ngữ Anh       |
| Hồ Ngọc Đoàn Thư      | 1976 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Trần Lê Thanh Tú      | 1987 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Trần Ngọc Anh         | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Nguyễn Thị Mỹ Liên    | 1972 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Vũ Hoàng Cúc          | 1984 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Trần Thị Mai Hương    | 1990 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Lê Thị Hồng Vân       | 1973 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Tổng Thị Lan Chi      | 1979 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Nguyễn Thị Tường Như  | 1976 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Nguyễn Phương Thảo    | 1994 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)       | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Hoàng Hồng Phượng     | 1994 | Nữ  | Trợ giảng (Hạng III)       | Đại học | Ngôn ngữ Anh       |
| Bùi Thị Tịnh          | 1976 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh       |
| Trịnh Thị Thủy        | 1985 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ | Kinh tế            |
| Phan Thúy An          | 1986 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ | Kinh tế            |
| Vũ Trinh Vương        | 1984 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Thạc sĩ | Kinh tế            |
| Dương Thị Ái Nhi      | 1984 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Kinh tế            |
| Nguyễn Thị Thu Nguyên | 1984 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Kinh tế            |
| Phạm Văn Trường       | 1985 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Kinh tế            |
| Nguyễn Thảo Trang     | 1992 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Kinh tế            |
| Nguyễn Trường Tam     | 1979 | Nam | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Kinh tế            |
| Đặng Thị Thu Vân      | 1988 | Nữ  | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Kinh tế            |
| Ao Xuân Hòa           | 1983 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Kinh tế            |
| Đỗ Thị Bông           | 1986 | Nữ  | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Kinh tế            |
| Nguyễn Văn Hóa        | 1966 | Nam | Giảng viên chính (Hạng II) | Tiến sĩ | Kinh tế phát triển |
| Nguyễn Đức Quyền      | 1986 | Nam | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Kinh tế phát triển |
| Nguyễn Thanh Phương   | 1986 | Nam | Giảng viên (Hạng III)      | Tiến sĩ | Kinh tế phát triển |
| Trương Văn Thảo       | 1980 | Nam | Giảng viên (Hạng III)      | Thạc sĩ | Kinh tế phát triển |

**C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi**

| II | Khối ngành     | Tỷ lệ Sinh viên/ Giảng viên cơ hữu quy đổi |
|----|----------------|--------------------------------------------|
| 1  | Khối ngành I   | 11                                         |
| 2  | Khối ngành II  | 0                                          |
| 3  | Khối ngành III | 26                                         |
| 4  | Khối ngành IV  | 3                                          |
| 5  | Khối ngành V   | 8                                          |
| 6  | Khối ngành VI  | 17                                         |
| 7  | Khối ngành VII | 17                                         |

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 6 năm 2023/

**HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Thanh Trúc**